TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 517/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 07/12/2022
V/v: "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Phước Tân;

Ông Võ Hoàng Nghiệp.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Ngô Quang Khải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Thúy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 07 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 408/2022/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2022 về việc "*Tranh chấp Hôn nhân & Gia đình, ly hô*n" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 743/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 792/2022/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị N, sinh năm 1995; địa chỉ: Số 271, ấp V, xã V, huyện V, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Ông Phạm Thanh H, sinh năm 1987; địa chỉ: Tổ 15, ấp H, xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang.

(Bà N, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Lê Thị N trình bày: Hôn nhân giữa bà N với ông H là do mai mối, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại UBND xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cự cải, ông H ghen tuông vô cớ, mắng chưi bà N. Bà N thấy muẫn thuẫn giữa bà và ông H đã trầm trọng, không thể hàn gắn và bà N cũng không còn tình cảm với ông H nên sống ly thân từ tháng đầu năm 2021 cho đến nay.

Từ khi ly thân đến nay, gia đình hai bên cũng khuyên ngăn, hàn gắn tình cảm cho vợ chồng bà N nhưng bà N thấy mình không cò tình cảm với ông H và không thể chung sống với nhau nên bà N xin được ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 01 con chung: Phạm Phước Gia H, sinh ngày 15/02/2017, hiện đang sống với ông H, do ông H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N đồng ý giao cháu H tiếp tục nuôi dưỡng, bà N không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong vụ án này kể từ khi thụ lý cho đến khi Tòa án ra thông báo phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì ông H vẫn vắng mặt, Hội đồng xét xử (HĐXX) nghĩ nên cần tiến hành việc xét xử mà không qua thủ tục hòa giải.

Tòa án tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ để các bên tiếp cận, đương sự thống nhất với những tài liệu, chứng cứ mà mình cung cấp, không bổ sung thêm.

Biên bản xác minh ngày 26/10/2022 người thân bà N cung cấp: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa bà N, ông H là do ông H ghen tuông vô cơ, thường xuyên chửi bà N, bà N khuyên ngăn thì cả hai cự cải, theo bà tình cảm giữa bà N, ông H là không có khả năng đoàn tụ; về con chung thì có một con chung; tài sản chung, nợ chung bà không biết.

Biên bản xác minh ngày 28/10/2022, ông Nguyễn Văn T – Trưởng Công an xã Đ cung cấp cho Tòa án hiện ông Phạm Thanh H vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương.

Tại phiên toà hôm nay: Bà N vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Ông H vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

Quan điểm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi; thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sợ vụ án cho thấy hôn nhân của bà N, ông H có mâu thuẫn trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu nhưng hai bên không có thiện chí hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao con chung cho bà N được tiếp tục nuôi dạy.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Theo quy định của pháp luật, bên không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, do bà N không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện của bà N.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Do đương sự không yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bà N yêu cầu được ly hôn với ông H. Ông H cư trú tại huyện A, tỉnh An Giang nên được Tòa án thụ lý giải quyết theo Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà N vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, ông H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông H theo Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự trong quá trình tố tụng thể hiện: Quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H do mai mối, có tổ chức lễ cưới vào năm 2013 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang theo Giấy chứng chứng nhận đăng ký kết hôn số: 15/HT vào ngày 10/8/2013 nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của bà N xin ly hôn với ông H. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông H phát sinh từ năm 2021 nhưng đến nay cả hai không có giải pháp hàn gắn. Bà N và ông H đã sống ly thân từ đầu năm 2021 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã hòa giải đoàn tụ cho cả hai nhưng ông H không có mặt để hàn gắn. Cho thấy, mâu thuẫn tình cảm giữa hai bên đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung*: Có 01 con chung: Cháu Phạm Phước Gia H, sinh ngày 15/02/2017, hiện đang sống với ông H, do ông H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, bà N đồng ý giao cháu H tiếp tục nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H đang sống với ông H, để đảm bảo điều kiện cho con chung phát triển và ổn định về tâm sinh lý của cháu sau này được tốt nên căn cứ vào Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu H cho ông H được tiếp tục nuôi dạy.

Về cấp dưỡng: Theo quy định của pháp luật, khi ly hôn cha hoặc mẹ là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tuy nhiên, ông H vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến của ông H, ông H cũng không có yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng không xem xét giải quyết.

Hội đồng xét xử cũng giải thích cho các đương sự biết: Ông H cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Bà N phải chịu án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Các Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Các Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị N được ly hôn với ông Phạm Thanh H.

Giấy chứng nhận kết hôn số 15/HT, ngày 10/8/2013 của Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện A, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

Về con chung: Ông Phạm Thanh H được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Phước Gia H, sinh ngày 15/02/2017.

Ông H cùng các thành viên gia đình không được cản trở bà N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con dựa trên các căn cứ theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bà Lê Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm. Số tiền này được chuyển từ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng mà bà Ngọc đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A theo biên lai thu số: 0007132 ngày 28/9/2022.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự).*

Nơi nhận:
- VKSND huyện (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện (1);
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Sang